

# ÔN TẬP CUỐI NĂM

(7 tiết – SGK trang 148)

## A. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

Ôn tập:

– Số và phép tính:

- Đếm, lập số, đọc, viết số trong phạm vi 100.

- Sử dụng những hiểu biết về cấu tạo số:

Phân loại nhóm các đồ vật theo các tiêu chí: hình dạng, kích cỡ, màu sắc, phương hướng.

Thành lập lại các bảng cộng, trừ trong phạm vi 6, 7, 8, 9, 10.

Tim thành phần chưa biết (trong mô hình tách – gộp số).

- Giải quyết được vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến việc so sánh số.

- Thực hiện cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.

Thực hiện cộng, trừ trong phạm vi 100 (nhẩm, viết).

Tính toán với các trường hợp có hai dấu phép tính (cộng, trừ).

- Làm quen tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Giải bài toán có lời văn.

– Hình học và đo lường:

- Nhận dạng các hình phẳng và hình khối đã học.

Làm quen với việc nhận ra các hình phẳng (đã học) ở các mặt của hình khối.

Giải quyết được vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến khả năng “lăn” của một số hình khối.

- Đo đồ vật cụ thể bằng thước có vạch xăng-ti-mét.

Ghi nhớ một vài số đo các bộ phận trên cơ thể.

Giải quyết được vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến xem giờ đúng và đọc lịch (lịch tờ hằng ngày).

**2. Năng lực chú trọng:** phát triển cả 5 năng lực: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật, Tiếng Việt.

**Phẩm chất:** Yêu đất nước (Kính yêu và biết ơn Bác Hồ).

## B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

HS: thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.

GV: hình vẽ cho bài tập số 12.

## C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

### LUYỆN TẬP

#### Bài 1:

– Tìm hiểu bài

- HS đọc yêu cầu của bài, nhận biết ba yêu cầu:

**Phân loại** (theo hình dạng, màu sắc, kích cỡ, phương hướng).

**Viết** sơ đồ tách – gộp số (theo cách phân loại).

**Viết** một phép cộng và một phép trừ (theo sơ đồ tách – gộp số).

- Hướng dẫn thực hiện mẫu (HS **quan sát** hình ảnh, **trả lời** các câu hỏi của GV).

Bài toán yêu cầu phân loại bánh theo **dấu hiệu** nào (hình dạng).

Hãy **phân loại** bánh: Tất cả bao nhiêu bánh, gồm những loại nào, mỗi loại có bao nhiêu? (14 cái bánh gồm 10 cái bánh có dạng hình tam giác và 4 cái bánh có dạng hình chữ nhật).

Viết sơ đồ tách – gộp số.

Viết một phép cộng và một phép trừ theo sơ đồ  $(10 + 4 = 14$  hay  $4 + 10 = 14$   
 $14 - 4 = 10$  hay  $14 - 10 = 4)$ .

Giải thích tại sao viết phép tính đó.

(Gộp 10 và 4 được 14, 14 tách 10 còn lại 4,...).

– HS **thực hiện** (cá nhân) từng câu, sửa bài rồi làm câu kế tiếp.

Lưu ý câu c, ô tô quay đầu sang phải hoặc sang trái.

– Khi sửa bài, yêu cầu HS **giải thích** từng việc làm.

#### Bài 2:

– Tìm hiểu bài:

- HS **nêu** tên các đồ vật ở cột bên trái (biển báo giao thông, con xúc xắc, bánh xe đạp, hộp sữa) và các hình vẽ ở cột bên phải (hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác, hình vuông).

- HS **đọc** yêu cầu của bài.

– HS (nhóm hai) **làm** bài.

– Khi sửa bài, yêu cầu HS **nói** lí do chọn.

HS có thể **giải thích**, chẳng hạn:

- Em chọn biển báo giao thông và hình tam giác là 1 cặp vì biển báo giao thông có dạng hình tam giác.
- Con xúc xắc và hình vuông (GV giải thích thêm: các mặt của khối lập phương là hình vuông).

- Bánh xe và hình tròn.
- Hộp sữa và hình chữ nhật (GV: các mặt của khối hộp chữ nhật này hình chữ nhật).

### Bài 3:

- HS (nhóm bốn) **tim hiểu** bài, **thảo luận**, **trình bày** trước lớp (Cần xếp lại: cuộn giấy, chai nước xanh đậm, quả cam).
- Khi sửa bài, yêu cầu HS **nói** li do tại sao phải xếp lại đồ vật và xếp lại thế nào, chẳng hạn:

- Tại sao phải xếp lại cuộn giấy, chai nước, quả cam? (Để bị lăn xuống đất).

Tại sao những đồ vật này lại lăn? (Có hình tròn)

Xếp lại thế nào? (Xếp đứng lên).

GV: Chai nước, cuộn giấy, li nước, ... có đáy hình tròn, quả cam có dạng hình tròn.

Những đồ vật này dễ bị lăn.

Khi xếp, ta đặt đáy của chúng xuống mặt bàn.

**Mở rộng:** Khi sắp xếp đồ, lưu ý:

- Những đồ dễ lăn, dễ rớt.
- Xếp gọn gàng.

Nhắc HS thường xuyên sắp xếp bàn học ở lớp, ở nhà, dọn dẹp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.

### Bài 4:

- Tìm hiểu bài, phân tích mẫu

HS **đọc** yêu cầu của bài, **quan sát** tranh, GV giúp các em **nhận biết** các việc cần làm:

- Viết 4 phép tính
  - + Số ở cáo mẹ có liên quan gì với số ở cáo con? (mỗi cáo con và cáo mẹ tạo thành một sơ đồ tách – gộp số)
  - + Cụ thể? (6 gồm 5 và 1; 6 gồm 4 và 2; 6 gồm 3 và 3)
  - + Mỗi trường hợp cấu tạo của số 6, ta viết được các phép cộng và phép trừ.

Từ 6 gồm 5 và 1, hãy **đọc** bốn phép tính trong SGK.

HS đọc: 6 gồm 5 và 1

$$5 + 1 = 6$$

$$1 + 5 = 6$$

$$6 - 1 = 5$$

$$6 - 5 = 1$$

- + Hai trường hợp còn lại (phương pháp nhóm mảnh ghép)

Nửa lớp **viết** bốn phép tính từ 6 gồm 4 và 2.

Nửa lớp **viết** hai phép tính từ 6 gồm 3 và 3.

- **Quan sát** hình ảnh, HS **đọc** bảng cộng trong phạm vi 6 và bảng trừ trong phạm vi 6

$$5 + 1 = 6 \quad 6 - 1 = 5$$

$$1 + 5 = 6 \quad 6 - 5 = 1$$

$$\begin{array}{ll} 4 + 2 = 6 & 6 - 2 = 4 \\ 2 + 4 = 6 & 6 - 4 = 2 \\ 3 + 3 = 6 & 6 - 3 = 3 \end{array}$$

– Tương tự với gia đình mèo, cá, heo, gà; HS **làm** bài (GV có thể phân mỗi tổ làm một câu. Trong một tổ, mỗi em làm một trường hợp,...).

– Sau khi sửa bài, HS luân phiên **đọc** các phép tính ở bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 6, 7, 8, 9, 10.

**Bài 5:** Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **trình bày** cách làm.

a) Đếm số khúc gỗ

HS có thể đếm theo các cách khác nhau (đếm từng khúc gỗ, đếm theo chục và số khúc gỗ lẻ).

b) Hoàn thiện sơ đồ tách – gộp. Đọc sơ đồ (ôn cấu tạo số).

**Bài 6:** Lưu ý HS, xong một dãy số phải kiểm tra bằng cách đọc lại toàn bộ dãy số xem có phù hợp quy luật.

Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói tên dãy số (quy luật).

Ví dụ:

- Dãy số tròn chục từ bé đến lớn (dãy số đếm thêm 10)
- Dãy số đếm thêm 1
- Dãy số đếm bớt 1.

**Bài 7:**

a) – Nếu cần, HS lại **nói** câu: “Há họng bên nào, bên đó lớn”. Nhắc HS kiểm tra xem viết dấu có đúng không.

– Sửa bài, HS **giải thích** cách so sánh.

Ví dụ: so sánh số chục (76 – 82; 70 – 59)

so sánh số đơn vị (64 – 61)

số có 1 chữ số bé hơn số có 2 chữ số (8 – 13) (khi đó 0 chục bé hơn 1 chục).

b) GV lưu ý HS tự xác định yêu cầu để làm bài và tự kiểm tra sau khi làm bài xong.

– **Xác định** yêu cầu của bài (sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé).

– **Kiểm tra:** có đúng thứ tự từ lớn đến bé không?

**Bài 8:**

– Tìm hiểu bài.

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (Có ba xe chở dưa hấu, số lượng quả dưa hấu mỗi xe được ghi trên xe.)
- Bài toán yêu cầu gì? (HS đọc yêu cầu của bài.)

– HS (nhóm đôi) **làm** bài (làm miệng).

– Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **trình bày**.

- Cách **so sánh** để tìm số lớn nhất.
- **Lập luận** vì sao xe xanh là chớ nhiều nhất.

GV hỏi để hệ thống lại cách so sánh số có hai chữ số: So sánh số chục, số đơn vị.

#### **Bài 9:**

Trước khi làm bài, yêu cầu HS **nhắc lại** một số lưu ý:

- **Đặt tính** (số chục dưới số chục, số đơn vị dưới số đơn vị).
- **Tính** (từ phải sang trái).
- **Kiểm tra** kết quả (kiểm tra các số và dấu phép tính có đúng như đề bài cho, kiểm tra cách tính toán – lưu ý có thể dùng phép cộng để kiểm tra phép trừ, dùng tính chất giao hoán để thử phép cộng).

#### **Bài 10:**

– HS tính từ trái sang phải.

Tuy nhiên, khuyến khích các cách làm trên cơ sở hiểu tính chất phép tính.

Ví dụ:  $90 - 20 - 30 = 40$

Học sinh có thể lập luận: Trừ 20 rồi trừ 30 tức là trừ 50, 90 trừ 50 bằng 40.

– HS chỉ cần viết kết quả cuối cùng.

#### **Bài 11:**

– HS (nhóm đôi) thảo luận và thực hiện.

– Khi sửa bài, yêu cầu HS giải thích theo hai tiêu chí: Đặt tính và Tính.

- Bài thứ nhất: **đ** vì đặt tính đúng, tính đúng.
- Bài thứ hai: **s** vì đặt tính đúng nhưng tính sai (nhầm phép tính: trừ nhưng làm thành cộng).
- Bài thứ ba: **s** vì đặt tính sai (3 đơn vị viết dưới 9 chục).
- Bài thứ tư: **đ** vì đặt tính đúng, tính đúng.

#### **Bài 12:**

– Tìm hiểu bài

- GV giới thiệu:

Có bốn chồng gạch được sắp xếp như hình vẽ.

Các viên gạch màu đậm đã có số, các viên gạch màu nhạt chưa có số.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Tìm số** cho các viên màu nhạt).

– HS (nhóm bốn) **thảo luận, tìm quy luật** xếp gạch.

– Các nhóm thực hiện (GV nhắc các nhóm sau khi làm xong, **kiểm tra** lại xem có đúng như quy luật đưa ra).

Các nhóm **trình bày** trước lớp (GV khuyến khích các em **nêu** quy luật, **thể hiện** nội dung bài làm ở hình ảnh đã được vẽ sẵn trên bảng).

– Sửa bài: GV khái quát (Dùng chồng gạch thứ nhất minh hoạ).

- Các số trong ba viên gạch này có liên quan với nhau không?

HS có thể **trả lời** theo nhiều cách, chẳng hạn:

Giống sơ đồ tách – gộp số

Cộng hai số dưới thì được số trên

...

GV lưu ý HS chỉ có ba viên gạch sắp xếp như vậy (viên hàng trên nằm giữa hai viên hàng dưới) thì mới giống sơ đồ tách – gộp số.

- GV dùng tay che một trong ba ô, HS **nói** cách tìm số bị che dựa vào hai số không che.
- Cả lớp **kiểm tra** bài đã làm của các nhóm ở trên bảng.

**Bài 13:** GV nhắc lại trình tự làm (bài 4 SGK trang 176).

HS thực hiện (cá nhân).

Khi sửa bài, GV nên dẫn dắt theo trình tự.

**Bài 14:** Trò chơi

- GV hướng dẫn HS cách chơi (SGK trang 154).
- GV gọi hai HS lên bảng **chơi** trước lớp.
- HS **chơi** trò chơi theo nhóm đôi và **ghi** lại kết quả chơi.

**Bài 15:**

– Tìm hiểu bài

- HS **đọc** câu hỏi và các yêu cầu cần thông báo về số đo.  
(Khi đọc, thay “?” bằng từ “bao nhiêu”. Ví dụ: Ngón trỏ dài khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?)
- Sau mỗi câu hỏi, GV minh hoạ cụ thể (bằng cách dùng bàn tay, bước chân, sai tay).  
Ví dụ: Chiều dài ngón tay là khoảng cách từ đâu tới đâu (minh hoạ trên ngón tay GV).
- HS **nhận biết** cần phải viết các số đo theo yêu cầu (4 số đo đầu, đơn vị là xăng-ti-mét; số đo cuối cùng, đơn vị là gang tay).

– HS (nhóm đôi) **thực hiện**

- **Nhớ** được số đo nào thì **viết** ngay, sau đó **đo** lại để kiểm tra.
- Các số đo không nhớ hoặc chưa đo bao giờ (bước chân, sai tay), các HS giúp nhau **đo**. Nếu cần, GV giúp đỡ.

– HS **thông báo** các số đo.

Với số đo gang tay, có thể tiến hành như sau:

- Gọi một HS có số đo trung bình **nói** số đo của mình (chẳng hạn, bạn Nam nói: Gang tay em dài 15 cm).
- Các bạn nào có gang tay **dài bằng** bạn Nam? (Một số em đưa tay)
- Các bạn nào có gang tay **ngắn hơn** bạn Nam? (Trung: 14 cm, Toàn: 13 cm, ...)
- Lớp ta, bạn nào có gang tay **ngắn nhất**? (Bạn Hùng: 12 cm)
- Các bạn nào có gang tay **dài hơn** bạn Nam? (...)
- Lớp ta, bạn nào có gang tay **dài nhất**? (...)

– GV nhắc HS ghi nhớ ít nhất hai số đo: gang tay, bước chân.

Lưu ý: GV luôn nhắc lại độ lớn 1 cm khoảng chiều ngang móng tay ngón trỏ.

#### **Bài 16:**

– Tìm hiểu bài

- HS **đọc** yêu cầu.
- Quan sát hình vẽ để bước đầu **nhận biết** hai kích thước của hộp bút (chiều dài, chiều rộng).
- **Cầm** hộp bút bằng một tay, dùng ngón trỏ bàn tay còn lại **vuốt** theo mép hộp bút, nói: dài, rộng (GV có làm mẫu).
- HS không có hộp bút, **thay thế** bằng SGK Toán 1.
- HS **nhận biết**, cần phải đo hai cạnh hộp bút và viết số đo.

– HS **thực hiện** (cá nhân).

GV nhắc HS **lưu ý** vạch số 0 khi đặt thước.

– HS **thông báo** kết quả đo, có thể cho các em nhận xét hộp bút nào dài nhất.

#### **Bài 17:**

a) – Tìm hiểu bài.

HS đọc yêu cầu, **nhận biết** cần **đọc** hai thông tin theo thứ tự: Thứ, ngày (đọc tất cả các tờ lịch).

– HS (nhóm đôi) **quan sát** tờ lịch thứ nhất, tìm: thứ, ngày (từ dưới lên trên).

– Hai bạn **đọc** lịch cho nhau nghe.

– Khi sửa bài, HS **đọc** lớn các tờ lịch.

Nếu HS lúng túng hoặc sai “Thứ”, GV yêu cầu **đọc** các “Thứ” lần lượt từ trái sang phải và dừng lại ở tờ lịch đọc sai.

Ví dụ: thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật, thứ hai, thứ ba.

Nếu HS đọc sai “Ngày”, cũng yêu cầu **đọc** các ngày từ trái sang phải và dừng lại ở ngày đọc sai.

GV cũng có thể gợi ý để HS **nhận biết**: 7 tờ lịch tương ứng với 7 ngày liên tiếp, đó cũng là số ngày của một tuần.

b) – Tìm hiểu bài

- HS đọc yêu cầu, **nhận biết** hai việc cần làm:

**Đọc** thông báo.

**Xác định** xem thứ mấy đi tham quan.

- Chẳng hạn, hôm nay có thông báo viết trên bảng lớp.

Dòng đầu tiên trên bảng viết gì? (Thứ, ngày)

Thứ, ngày của hôm nào? (Hôm nay)

Hãy nói rõ, Hôm nay là thứ mấy, ngày nào?

(Hôm nay là thứ sáu, ngày 14).

- Trong các tờ lịch ở câu a

Hãy tìm tờ lịch ngày hôm nay (Tờ lịch đầu tiên)

Tờ lịch nào là ngày 19? (tờ lịch áp cuối/áp chót)

– HS (nhóm đôi) **đọc** kĩ thông báo, **thảo luận, xác định** “Thứ” đi tham quan.

– Khi sửa bài:

- HS **đọc** đầy đủ thông báo.
- **Giải thích** tại sao lại là thứ tư (Dựa vào tờ lịch ngày 19).

**Mở rộng:**

– 19 – 5 là ngày gì? (Ngày sinh của Bác Hồ)

– Tại sao lại đi tham quan bến Nhà Rồng? (Đây là khu di tích lịch sử: Nơi Bác Hồ xuống tàu vào ngày 5 – 6 – 1911, sang Pháp để tìm đường cứu nước).

– GV nói vắn tắt công lao to lớn của Bác Hồ và tình cảm của Bác dành cho thiếu nhi.

c) Tới thứ tư, ngày 19 rồi, cả lớp mình cùng đi tham quan bến Nhà Rồng.

– Tìm hiểu bài

HS **quan sát, nói** nội dung từng bức tranh (theo gợi ý của bạn Ong).

Chẳng hạn:

- Lúc 7 giờ, xe khởi hành từ trường
- Lúc 8 giờ, tới bến Nhà Rồng
- Lúc 10 giờ, lên xe ra về
- Lúc 11 giờ, về tới trường.

HS **đọc** tiếp yêu cầu, nhận biết cần **xác định** những chỗ trống được viết gì.



– Dựa vào hình vẽ và nội dung từng bức tranh, HS **thực hiện** các yêu cầu của bài rồi **trình bày** trước lớp.

– Khi sửa bài, GV lưu ý HS **giải thích**:

- Lúc đi: Có mặt tại trường trước 7 giờ. Tại sao phải có mặt **trước** 7 giờ.
- Lúc 9 giờ em đang ở Bến Nhà Rồng. Tại sao?

## ĐẤT NƯỚC EM

Giới thiệu vịnh Nha Trang:

Vịnh Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hoà có rất nhiều bãi biển đẹp; được bao bọc bởi nhiều đảo lớn, nhỏ; là một quần thể thiên nhiên đặc sắc, đa dạng; một địa điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta, thu hút nhiều du khách trong nước cũng như quốc tế. Vịnh Nha Trang còn được mệnh danh là hòn ngọc của Biển Đông, viên ngọc xanh vì giá trị thiên nhiên, vẻ đẹp cũng như khí hậu của nó.

Em đã đi du lịch ở Nha Trang chưa?

Giáo dục HS yêu thiên nhiên, giữ vệ sinh môi trường,...

– Nếu còn thời gian, xác định vị trí tỉnh Khánh Hoà trên bản đồ (SGK trang 157).